

TRUYỀN THÔNG VĂN HÓA VIỆT NAM

Danh từ văn hoá bao gồm nhiều lĩnh vực hết sức rộng rãi và phức tạp, từ lời ru của mẹ, bài học của thầy, tiếng rao chè ngoài phố, trò chơi thả diều của anh, hình ảnh ngôi chùa làng, lũy tre xanh... tất cả đều thuộc về văn hóa. Có những cái thuộc tinh thần như tư tưởng, ngôn ngữ, hội họa, âm nhạc ... và những cái thuộc vật chất như cái ăn, cái mặc, nhà ở... . “Chính văn hoá đã nuôi chúng ta lớn, dạy chúng ta khôn”. Như vậy chúng ta hiểu nó như thế nào định nghĩa nó ra làm sao?

Truyền thống là những giá trị tinh thần mà đa số người trong một cộng đồng dân tộc chấp nhận và gìn giữ, là những phong tục tập quán lâu đời còn được áp dụng, là những kinh nghiệm sinh tồn của dân tộc tích tụ theo dòng lịch sử để tồn tại và phát triển, là những kinh nghiệm ứng xử giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với con người cùng tiếng nói và huyết thống. Giá trị là cái con người muốn hướng tới, muốn đạt được và muốn gìn giữ.

Văn Hoá và Văn Minh có khác nhau không?

Có nhiều ý kiến khác nhau về hai ý niệm này: các chuyên gia ngôn ngữ La Tinh cho rằng Văn Hóa (cultura) và Văn Minh (civilitas) khác nghĩa nhau, một số đông học giả Đức và Mỹ chấp nhận quan điểm này; nhưng một số đông học giả Anh và Pháp cho rằng hai chữ này đồng nghĩa nhau và cùng chỉ định một lối sống thanh lịch. Người Á Đông thường cho rằng văn hóa cao hơn văn minh. Chẳng hạn lúc người Pháp xâm chiếm Việt Nam, nước ta có văn hóa không? Chúng ta đã có hơn 4000 năm văn hóa, nhưng chúng ta thua họ vì chúng ta thiếu văn minh, thiếu phương tiện kỹ thuật súng đạn, thiếu đầu óc tổ chức quân đội.

Trong một bài viết về Văn hóa Văn minh, Lm Stéphano Huỳnh Trụ đã có 1 **định nghĩa rất hay về văn minh**:

« **1. Văn minh là tiến bộ thuộc phạm vi vật chất, bao hàm việc phát triển về khía cạnh xã hội, chính trị và kỹ thuật.**

•~~EEEEEEE~~ Mục tiêu của văn minh là làm cho sự việc dễ dàng hơn, nhanh hơn, thuận tiện hơn, thực tiễn hơn, an toàn hơn hay lành mạnh hơn. Lưu ý rằng: tính thực tiễn của văn minh trước hết là phục vụ cho nhu cầu thể xác con người.

•~~EEEEEEE~~ Việc khai sinh ra một công trình văn minh, kể từ khi con người có ý định thực hiện một mục tiêu thực tiễn và bắt tay vào làm việc cho tới khi tìm ra một giải pháp được coi như một sản phẩm (factum), nhằm thay thế thiên nhiên và do đó văn minh mang đậm nét nhân tạo (artificial)

•~~EEEEEEE~~ Do tính thống nhất hóa và đơn giản hóa chi phối, văn minh có mặt trái là dễ bị tinh thần bủn xỉn (parsimony) tác động: bất cứ điều gì không tuyệt đối cần thiết đều bị loại bỏ.

•~~EEEEEEE~~ Nền văn minh cao cho thấy con người có bộ óc cực kỳ phát triển.

•~~EEEEEEE~~ « Mỗi khi con người làm thay đổi thế giới vật chất, ta nói tới văn minh ».

Tổ chức Unesco đã định nghĩa văn hóa như sau: “ Văn hoá được xem là tập hợp các đặc trưng tinh thần, vật chất, trí tuệ và cảm xúc riêng biệt của một xã hội

hay một nhóm người trong xã hội, và ngoài văn học và nghệ thuật, nó bao gồm lối sống, cách chung sống, hệ thống giá trị và đức tin”

Tiến sĩ Trần Ngọc Thêm, một nhà Văn hóa học VN, đã **định nghĩa văn hóa** như sau:

« Văn hóa là một hệ thống giá trị mang tính biểu tượng do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội của mình. »

Trong định nghĩa trên chúng ta thấy nổi lên 4 đặc trưng cơ bản của văn hoá là tính hệ thống, tính giá trị, tính nhân sinh là vì do con người sáng tạo ra và tính lịch sử là do sự tích lũy theo bề dày của thời gian hình thành nên văn hoá đó. Bốn đặc trưng này cho phép chúng ta nhận diện « tính chất văn hoá » ở một đối tượng nghiên cứu và phân biệt nó với những hiện tượng khác không phải là văn hoá.

Tính hệ thống giúp chúng ta muốn hiểu văn hoá một dân tộc phải định vị nó trong một toạ độ 3 chiều :

1- Thời gian văn hoá : được qui định từ khi một nền văn hoá hình thành cho đến khi nó tàn rụi. Trên lãnh thổ nước ta đã từng xảy diễn 2 khoảng thời gian văn hoá : thời gian văn hoá Chăm-pa và thời gian văn hoá tộc Việt được qui định bởi nguồn gốc dân tộc và lịch sử dân tộc VN từ lập quốc cho đến hiện tại.

2- Không gian văn hóa bao gồm tất cả những vùng lãnh thổ mà ở đó dân tộc đã tồn tại qua các thời đại. Do vậy, không gian văn hóa bao giờ cũng rộng hơn không gian lãnh thổ. Không gian văn hóa nước ta có thể bao gồm : phía Bắc giáp sông Dương Tử phía Tây giáp Tứ Xuyên, phía Đông giáp Thái Bình Dương, phía Nam tới các hải đảo Indonésia.

3- Chiều thứ ba là chủ thể văn hoá hay con người VN với 3 chiều kích : vật chất, tinh thần và tâm linh

a/ Vật chất : thể chất, ẩm thực, ăn mặc, nhà ở, sức khoẻ...

b/ Tinh thần : suy nghĩ, nhận thức, ngôn ngữ, triết lý nhân sinh, những sáng tạo của tinh thần...

c/ Tâm linh : tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội, đời sống của chính cái tinh thần trên khi tinh thần lấy chính nó làm đối tượng, như tri giác, trí tuệ, trí nhớ, tình cảm ...

Ngoài ra TS Trần Ngọc Thêm đưa ra một mô hình cấu trúc văn hóa xét theo sinh hoạt của con người mà ông sử dụng để nghiên cứu và giải thích về những nền văn hóa khác, ta có:

- Văn hóa nhận thức: nhận thức về vũ trụ, nhận thức về con người.
- Văn hóa tổ chức: tổ chức đời sống tập thể, tổ chức đời sống cá nhân.
- Văn hóa ứng xử với môi trường: môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội.

Nguồn gốc người Việt Nam

Về nguồn gốc dân tộc VN, trước đây các nhà nghiên cứu VN và nước ngoài đã đưa ra khá nhiều giả thuyết khác nhau.

- Có thuyết cho rằng người VN có nguồn gốc bản địa (H. Maspero, O. Jansé, Lê

văn Siêu)

- Có người lại nói người VN gốc từ Trung Hoa (cổ sử Trung Hoa, L. Arousseau, Đào Duy Anh...) Đào Duy Anh viết « Người Lạc Việt từ đường biển và người Thái từ Quảng Tây và Vân Nam di cư đến Bắc Việt và vì có văn hóa cao hơn nên đồng hoá dần thổ dân Indonésien » (cổ sử VN 1955).

- Có thuyết khẳng định người Việt vốn gốc từ vùng Tây Tạng (G. Cordes, H. Kahlke, Bình Nguyên Lộc...).

- Có người gắn vấn đề nguồn gốc người Việt với cư dân các quần đảo Thái Bình Dương (L.Finot)

Tất cả những giả thuyết trên đều đúng một phần

Những kết quả khai quật ở hàng loạt các địa điểm khác nhau như hang động Bình Gia (Lạng Sơn), núi Đọ (Thanh Hoá), vùng Hàng Gòn-Dầu Giây (Đồng Nai)... đã tìm thấy những răng hàm của người đứng thẳng (homo erectus) những công cụ như mảnh tước, nạo thô, rìu tay... có niên đại vào khoảng 30-40.000 năm trước công nguyên (sơ kỳ đồ đá cũ) tức là chính vào khoảng thời gian hình thành trung tâm phía Đông - cái nôi thứ hai của loài người. Ông Ja.V.Chesnov viết : « Ngay từ buổi bình minh của lịch sử, Đông Nam Á đã là một trong những cái nôi hình thành loài người. Đây chính là địa bàn hình thành đầu tiên của Đại chủng Phương Nam (Negrito, Mélanésien).

Để rút ngắn quá trình hình thành các dân tộc VN từ khoảng 10.000 năm về trước trở lại đây ta thấy có 3 giai đoạn :

a/ Vào thời đồ đá giữa, nghĩa là khoảng 10000 năm về trước, có một dòng người thuộc chủng tộc MONGOLOID từ vùng Tây Tạng thiên di về phía Đông Nam, tới vùng nay là Đông Dương thì dừng lại. Tại đây đã diễn ra sự hợp chủng giữa họ với cư dân MÉLANÉSIEN bản địa (thuộc địa chủng Úc) dẫn đến kết quả là sự hình thành chủng INDONÉSIEN (còn gọi là cổ Mã Lai) với nước da ngăm đen, tóc quăn dợn sóng, tầm vóc thấp...

Từ đây lan toả ra, người Indonésien cư trú trên toàn bộ địa bàn Đông Nam Á Cổ đại. Đó là một vùng rộng lớn, phía Bắc tới sông Dương Tử, phía Tây tới bang Assam ở Ấn Độ, phía Đông tới vùng quần đảo Philippine và phía Nam tới các hải đảo Indonéxia (Nguyễn Đình Khoa).

b/ Từ cuối thời đá mới, đầu thời đại đồ đồng (khoảng gần 5.000 năm về trước) tại khu vực mà hiện nay là Nam Trung Hoa và Bắc Đông Dương (từ phía Nam sông Dương Tử đến khu vực sông Hồng Hà) trên cơ sở sự chuyển tiếp từ loại chủng Indonésien bản địa dưới tác động của sự tiếp xúc thường xuyên với chủng Mongoloid từ phía Bắc, đã hình thành một chủng mới là CHÚNG NAM-Á (Austro-asiatique). Với chủng này các nét đặc trưng Mongoloid lại càng nổi trội, do vậy nó được xếp vào ngành MONGOLOID PHƯƠNG NAM.

c/ Thời kỳ sau đó, chủng Nam Á được chia tách thành một loại các chủng tộc mới trong cổ thư VN và Trung Hoa được gọi bằng danh từ BÁCH VIỆT. Tuy gọi là một trăm (Bách) một cách biểu trưng, nhưng thực sự đó là một cộng đồng cư dân hùng hậu gồm nhiều tộc người Việt như Điền Việt, Dương Việt, Mản Việt, Đông Việt, Nam Việt, Lạc Việt... sinh sống khắp khu vực phía Nam sông Dương Tử cho tới tận Bắc Trung Bộ ngày nay.

Dân Lạc Việt là thủy tổ người VN, còn tồn tại đến ngày nay, trong khi những tộc Việt khác bị đồng hoá thành người Tàu.

Hoá trình chia tách này tiếp tục diễn tiến dần dần đã dẫn đến sự hình thành các dân tộc cụ thể (cùng với sự chia tách ngôn ngữ), trong đó người Việt đã tách ra từ khối Việt-Mường vào khoảng cuối thời Bắc thuộc (thế kỷ VII-VIII) (Nguyễn Văn Tài).

Tiến trình hình thành nền văn hóa Việt Nam

Theo TS Trần Ngọc Thêm trong quyển « Tìm về bản sắc văn hóa VN » tiến trình hình thành nền văn hóa VN có thể chia thành 6 giai đoạn :

1- Văn hóa thời tiền sử :

Thành tựu lớn nhất của cư dân Nam Á là sự hình thành nghề nông nghiệp lúa nước. Người Đông Nam Á xưa đã phát minh ra cây lúa nước nổi tiếng và đã tích lũy được một vốn kỹ thuật trồng lúa nước phong phú. Người cổ VN sống trong các hang động với nghề săn bắn hái lượm vào thời đá giữa (cách đây 10.000 năm) « trên cơ sở kinh tế hái lượm phát triển ở vùng rừng nhiệt đới, các bộ lạc Hoà Bình đã thực hiện một bước nhảy có ý nghĩa lớn lao trong đời sống nhân loại... Đông Nam Á là một trong những trung tâm phát sinh nông nghiệp lớn nhất của nhân loại » (Phan Huy Lê, C.O. Sauer Mỹ).

Những thành tựu nông nghiệp thời đó gồm có :

- a- Việc trồng lúa và các loại cây như khoai sọ, bầu bí, trầu cau, dâu (nuôi tằm).
- b- Việc thuần dưỡng một số gia súc như trâu, lợn, gà (chính trong tác phẩm nổi tiếng Nguồn gốc các loài, E. Darwin đã khẳng định rằng tất cả các giống gà nuôi trên thế giới đều bắt nguồn từ loài gà rừng Đông Nam Á, tên khoa học là Gallus bankiva.
- c- Việc làm ở nhà.
- d- Việc dùng các cây thuốc để chữa bệnh.

2- Giai đoạn văn hóa Văn Lang Âu Lạc :

Dựa trên các thư tịch cổ và truyền thuyết thì nó có thể khởi đầu từ khoảng giữa thiên niên kỷ III trước công nguyên, vào khoảng 2879 trước công nguyên.

Truyền thuyết họ Hồng Bàng (trong sách Lĩnh Nam Chích Quái) kể rằng *vua đầu tiên của họ Hồng Bàng tên là LỘC TỤC*, cháu 4 đời của vua THẦN NÔNG (Viêm Đế vua xứ nóng), con một nàng tiên ở núi Ngũ Lĩnh là bà Vụ Tiên và Đế Minh. **Lộc Tục lên làm vua phương Nam vào khoảng năm 2879 trước công nguyên**, lấy hiệu là KINH DƯƠNG, đặt tên nước là Xích Quỷ (Xích=đỏ, Quỷ=thần, thần phương Nam). Bờ cõi nước Xích Quỷ phía Bắc giáp hồ Động Đình (phía Nam sông Dương Tử), phía Nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía Tây giáp Ba Thục (Tứ Xuyên), phía Đông giáp bể Nam Hải.

Kinh Dương Vương lấy con gái vua Động Đình là LONG NỮ, sinh ra Sùng Lãm, nối ngôi làm vua xưng là LẠC LONG QUÂN.

Lạc Long Quân lấy ÂU CỐ, sinh ra bọc trăm trứng, nở thành 100 con trai. Một nửa theo cha xuống biển, nửa kia theo mẹ lên rừng. Đến vùng Phong Châu (vùng Việt Trì, Vĩnh Phú ngày nay) cùng tôn con trưởng làm vua nước Văn Lang xưng là vua Hùng.

- Lạc Long Quân thuộc giống rồng, Âu Cơ thuộc giống tiên ; nên người Việt thường tự nhận là con cháu của Tiên Rồng.

Bờ cõi nước Văn Lang của vua Hùng là không gian cư trú của người Nam Á – Bách Việt, cũng như người Lạc Việt là một bộ phận của khối cư dân Nam- Á-Bách Việt đó.

Nhà sử học Nga P.V. Pozner khẳng định : « sự tồn tại của các lãnh tụ người Lạc Việt với tên hiệu chung ‘Hùng’ là một sự kiện lịch sử (ngoại trừ việc họ có 18 người và nước Văn Lang chia làm 15 bộ). Cuối cùng, truyền thuyết về Kinh Dương Vương và Lạc Long Quân phản ảnh truyền thống sử học truyền khẩu về địa bàn cư trú cổ xưa của các bộ lạc tiền Việt, cho nên, theo nghĩa đó nó cũng mang tính lịch sử ».

Về mặt thời gian thiên niên kỷ thứ III trước công nguyên ứng với giai đoạn đầu thời đại Đồ Đồng.

Thành tựu văn hóa chủ yếu của giai đoạn Văn Lang – Âu Lạc chính là nghề luyện kim đồng. Vai trò của vùng văn hóa Nam Á đối với khu vực cũng hết sức to lớn : đồ Đồng Đông Sơn và ảnh hưởng của nó đã tìm thấy khắp nơi : từ Nam Trung Hoa, Miến Điện, Thái Lan đến toàn bộ vùng Đông Nam Á Hải đảo.

Giáo sư nhân chủng học Mỹ WG. SOLHEIM chuyên gia về Đông Nam Á đã viết « Các nhà sử học Âu Mỹ thường hay lý luận rằng lối sống mà ta gọi là văn minh thoát tiên bắt nguồn từ vùng phì nhiêu miền cận Đông, hoặc trong những vùng sườn đồi lân cận. Ta đã tin tưởng từ lâu rằng ở đây con người cổ sơ đã phát triển nghề nông và dần dần học cách làm gôm và đồ đồng. Môn khảo cổ học cũng đã làm tưởng như vậy, một phần vì các nhà khảo cổ đào bới khá nhiều trong vùng thung lũng phì nhiêu đó. Tuy nhiên những khám phá mới đây ở vùng Đông Nam Á bắt buộc chúng ta phải xét lại những quan niệm này. Những vật dụng đã được đào lên và đem phân tích trong vòng 5 năm qua (bài viết từ 1971) cho ta thấy rằng con người ở đây đã bắt đầu trồng cây, làm đồ gôm và đúc đồ dùng bằng đồng sớm hơn hết thấy mọi nơi trên trái đất, sớm hơn các dân tộc cận Đông, Ấn Độ và Trung Hoa tới cả hàng mấy ngàn năm ».

Một thành tựu văn hóa đáng kể trong giai đoạn này là **một loại chữ viết đã được khám phá :**

- a/ trên những phiến đá ở thung lũng Sapa,
- b/ trên bình khí đồng Thanh Hoá,
- c/ trên lưỡi cày Đông Sơn,
- d/ trên trống đồng Lũng Cú ở Hà Tuyên,
- e/ trong những văn bản cổ ở vùng Mường Thanh Hoá.

Sử sách Trung Hoa cũng có ghi chép những thứ chữ « Khoa đầu » (hình con nòng nọc bơi) của người phương Nam cho ta nghĩ tới giả thuyết về sự tồn tại của một nền văn tự phương Nam « trước Hán và khác Hán ».

Sĩ Nhiếp, một thái thú Tàu, sang cai trị nước ta từ năm 187 đến năm 226 (tương ứng cuối thời Đông Hán, đầu thời Tam Quốc) đã ra lệnh dùng chữ Hán trong các giấy tờ chính thức và nghiêm cấm sử dụng chữ tượng âm của người Việt cổ thời đó. Sau 1000 năm đô hộ Tàu, loại chữ phương Nam đó bị biến mất.

3- Giai đoạn văn hóa thời chống Bắc thuộc :

Khởi đầu từ trước công nguyên và kéo dài cho đến khi Ngô Quyền giành lại được đất nước. Những đặc điểm chủ yếu của giai đoạn văn hóa này là :

- a/ Ý thức đối kháng bất khuất và thường trực đối với nguy cơ xâm lăng từ phương Bắc.

Khởi đầu từ trước công nguyên đã được nuôi dưỡng và bộc lộ mạnh mẽ qua các cuộc khởi nghĩa của hai Bà Trưng (40-43), Bà Triệu thị Trinh (246), Lý Bôn với sự hình thành nước Vạn Xuân (544-548), Triệu Quang Phục (548-571), Mai Thúc Loan (722), Phùng Hưng (791), cha con họ Khúc (906-923), Dương Diên Nghệ (931-937) và đạt đến đỉnh cao ở cuộc khởi nghĩa thắng lợi của Ngô Quyền (938).

b/ Đặc điểm thứ hai của giai đoạn văn hóa chống Bắc thuộc là sự suy tàn của nền văn minh Văn Lang-Âu Lạc. Sự suy tàn này bắt nguồn từ hai nguyên nhân :

- sự suy thoái tự nhiên có tính quy luật của một nền văn hóa sau khi đạt đến đỉnh cao.

- sự tàn phá cố tình của kẻ xâm lược phương Bắc với âm mưu đồng hoá thâm độc.

Chính Tư Mã Thiên, sử gia nổi tiếng Trung Hoa, đã chép rằng từ đời Tần, Trung Hoa « đã chiếm cả thiên hạ, cướp lấy đất Dương Việt ». Cư dân Trung quốc do Mã Viện đưa sang định cư để làm chỗ dựa cho chính quyền trong việc đô hộ và đồng hóa người Việt được sử cũ gọi là dân Mã lưu (do Mã Viện lưu lại)

c/ Đặc điểm thứ ba : là giai đoạn văn hóa này mở đầu cho quá trình văn hóa Việt Nam hội nhập vào văn hóa khu vực.

Điều thú vị nhất ở đây là, tuy tiếp xúc trực tiếp và thường xuyên với Trung Hoa, nhưng trong giai đoạn văn hóa chống Bắc thuộc này, **VN đã tiếp nhận văn hóa Trung Hoa rất ít. Nho giáo hầu như chưa thâm nhập được vào xã hội VN.** Trong khi đó thì VN chủ yếu lại tiếp nhận văn hóa Phật giáo đến trực tiếp từ Ấn Độ, lý do rất đơn giản là văn hóa Phật giáo đến bằng con đường hoà bình còn văn hóa Trung Hoa thì đến theo gió ngựa xâm lăng. (Phật giáo đã truyền vào nước ta mấy trăm năm trước khi truyền vào Trung Hoa với sử tích Tiên Dung, con vua Hùng Vương, và chồng là Chử Đồng Tử đã được Nhà sư Phật Quang cho qui y và truyền Pháp). **Lý do thứ hai là văn hóa Phật giáo cao hơn văn hóa Trung Hoa gấp bội phần.** Bằng chứng là Mâu Bác, một trí thức Trung Hoa, đã đưa mẹ đến nước ta sống tỵ nạn giặc giả ở phương Bắc, ông học hỏi đạo Phật và viết lên cuốn Lý Hoặc Luận năm 198, là một cuốn khảo luận, lý giải về những điều nghi ngờ về đạo Phật và so sánh với đạo Nho và đạo Lão, ông thấy Đạo Phật như trời cao núi rộng còn Nho Lão như hang sâu, gò đống (điều 25 Lý Hoặc Luận); đạo Phật giống như mặt trời, Khổng Lão chỉ là ngọn đuốc; đạo Phật là trái là quả; Khổng Lão chỉ là hoa lá...Đây là cuốn sách đầu tiên viết bằng chữ Hán về đạo Phật tại Giao Châu, hiện vẫn còn lưu giữ. *Điều đó chứng tỏ Giao Châu đã là một trung tâm đạo Phật rất phồn thịnh.*

4- Giai đoạn văn hóa Đại Việt :

Sau ba triều đại Ngô - Đinh - Tiền Lê, văn hóa VN đã khôi phục và thăng hoa mạnh mẽ. *Giai đoạn văn hóa Đại Việt trở thành đỉnh cao thứ hai trong lịch sử văn hóa VN.* Trong đó thời đại Lý Trần đã chứng kiến thời kỳ hưng thịnh nhất của Phật giáo VN. Với tinh thần tổng hợp bao dung, nó đã mở rộng cửa cho việc tiếp thu cả Nho giáo và Đạo giáo.

Tinh thần « Tam giáo đồng quy » đã mở cửa cho Khổng giáo và Đạo giáo vào nước ta với tất cả hệ quả tốt cũng như xấu cho văn hóa và xã hội VN mà chúng ta sẽ đề cập đến sau.

Năm 1070, Nhà Lý đã cho xây dựng văn miếu thờ Khổng Tử và năm 1076 lập trường Quốc Tử Giám để đào tạo trí thức ra làm quan.

Phải chờ đến thời Lê, Nho giáo mới đạt đến độ thịnh vượng nhất và nắm trong tay toàn bộ guồng máy xã hội. Xu hướng tiếp nhận văn hóa Trung Hoa trở thành chủ yếu do hơn 10 năm đô hộ của nhà Minh.

Một trong những sản phẩm của cuộc giao lưu văn hóa này là sự ra đời của **chữ Nôm**.

Những thành tựu văn hóa vật thể ở giai đoạn này là **An Nam tứ đại khí**, là 4 công trình nghệ thuật lớn mà sách vở Trung Hoa còn truyền tụng:

* *Tượng Phật chùa Quỳnh Lâm*, cao 6 trượng, đặt trong 1 tòa Phật điện cao 7 trượng (1 trượng bằng khoảng 4m). Đứng từ bên đền Đông Triều (Quảng Ninh) cách xa 10 dặm vẫn còn trong thấy nóc điện.

* *Tháp Báo Thiên*: do vua Lý Thánh Tông cho xây dựng, gồm 12 tầng, cao 20 trượng, riêng tầng thứ 12 đúc bằng đồng.

* *Chuông Qui Điền*: do vua Lý Nhân Tông cho đúc, miệng chuông có đường kính khoảng 6 m, chiều cao 12m, nặng tới vài vạn cân, chuông đúc xong to quá không treo lên nổi nên đành để ngoài ruộng, mùa nước ngập rùa bò ra bò vào nên dân gian gọi là chuông ruộng rùa.

* *Vạc Phô Minh*: đúc bằng đồng vào thời vua Trần Nhân Tông. Vạc sâu 1,6m, rộng 4m, nặng trên 7 tấn, có thể nấu được cả con bò mộng.

Trong thời gian đô hộ nước ta, nhà Minh đã phá hủy hoàn toàn những công trình văn hóa ấy.

5- Giai đoạn văn hóa Đại Nam: bắt đầu từ thời các chúa Nguyễn và kéo dài đến hết thời Pháp thuộc. Giai đoạn văn hóa Đại Nam có các đặc điểm:

a/ Lần đầu tiên đất nước ta có được sự thống nhất về lãnh thổ và tổ chức hành chính từ Cao Lạng đến Minh Hải.

b/ Nho giáo lại được phát triển thành quốc giáo nhưng nó ngày một suy tàn.

c/ Khởi đầu thời kỳ thâm nhập của văn hóa Tây phương và cùng với nó là Thiên Chúa giáo, cũng là khởi đầu thời kỳ văn hóa VN hội nhập vào văn hoá nhân loại.

d/ Sự giao lưu văn hóa với phương tây đã đem đến một sản phẩm mới là *chữ Quốc ngữ*.

6- Giai đoạn văn hóa hiện đại: từ những năm 30-40 trở lại đây, văn hóa VN đã bước sang một giai đoạn mới. Mấy chục năm tồn tại của giai đoạn văn hóa hiện đại chưa đủ để cho phép tổng kết đầy đủ những đặc điểm của nó: đây là giai đoạn văn hóa đang định hình; tuy nhiên ta cũng có thể phác thảo một vài đặc điểm của văn hóa này:

a/ Óc phân tích, khoa học thâm nhập từ cuối giai đoạn Đại Nam cùng với các tư tưởng của triết học duy vật biện chứng Maxisme.

b/ Ý thức về cá nhân con người được nâng cao, bổ sung cho ý thức cộng đồng truyền thống.

c/ Đô thị ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, sự đô thị hoá diễn ra ngày một nhanh hơn, cùng với nó là sự lớn mạnh của công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhu cầu về một cuộc sống văn minh, tiện nghi.

1/ truyền thống gia đình Việt Nam

Truyền thống gia đình VN có rất nhiều, nhưng suy nghĩ cho kỹ, 5 truyền thống sau đây là phổ biến nhất và được sự công nhận của hầu hết các nhà nghiên cứu về văn hóa VN. Mỗi gia đình VN chỉ cần gìn giữ 5 truyền thống này thôi cũng đủ cống hiến cho xã hội những người con tuyệt vời :

- a- Lòng hiếu thảo muôn đời được truyền tụng.
- b- Tôn ti trật tự trong gia đình và tinh thần kính trên nhường dưới.
- c- Tinh thần đùm bọc và tương trợ trong gia đình
- d- Quý trọng tình nghĩa, lễ giáo.
- e- Tục thờ cúng ông bà tổ tiên, làm chay, làm giỗ.

*~~EEEEEEEE~~ **Lòng hiếu thảo muôn đời được truyền tụng :**

*“Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ **hiếu** mới là đạo con”.*

Tu đâu cho bằng tu nhà

Thờ cha kính mẹ mới là chân tu

*~~EEEEEEEE~~ **Tôn ti trật tự trong gia đình và tinh thần kính trên nhường dưới :**

So sánh ngôn ngữ VN và ngôn ngữ các nước khác, chúng ta thấy vai vế trong gia đình người VN được qui định rõ ràng chính xác, không lẫn lộn giữa anh, chị, em, chú, bác, cô, dì, cậu mợ, dượng... Mỗi người đều biết chỗ đứng của mình trong gia đình bên nội cũng như bên ngoại.

*~~EEEEEEEE~~ **Tinh thần đùm bọc, tương trợ trong gia đình** được diễn tả bằng những câu ca dao :

*Chị ngã thì em nâng.
Quyền huynh thế phụ.
Sảy cha còn chú, Sảy mẹ bú dì.*

* **Quý trọng tình nghĩa, lễ giáo :**

Điều này được xác nhận bởi nhiều học giả trong những tác phẩm nghiên cứu của họ :

~~EEEEEEEE~~ Đào Duy Anh trong « *Việt Nam văn hoá sử cương* ».

~~EEEEEE~~ Trương Chính trong “ *Về giá trị văn hóa tinh thần VN*”

~~EEEEEE~~ Quang Đạm trong « *Thử miêu tả bản sắc dân tộc, bản sắc văn hóa VN* »

(tạp chí Nghiên cứu văn hoá nghệ thuật, 4/1986)

~~EEEEEE~~ Trần Độ trong « *Về bản sắc dân tộc của văn hoá VN* »

* **Không có dân tộc nào tôn trọng việc thờ cúng Ông Bà Tổ Tiên như dân tộc VN**, hơn cả người Tàu là một dân tộc có nhiều điểm chung trong nền văn hoá Á Châu.

Kiến trúc nhà xưa ở VN thì có 3 gian, 2 chái : gian giữa dành trọn vẹn cho bàn thờ Ông Bà Tổ Tiên một cách uy nghiêm hánh diện. Ra nước ngoài, những người còn giữ phong tục VN thì trong phòng khách thế nào cũng có một khoảng trang trọng dành cho bàn thờ Ông Bà. Phong tục thờ cúng Ông Bà Tổ Tiên người VN đã thu phục Thiên Chúa giáo La Mã đã phải thay đổi quan điểm thờ phượng của mình, Cộng đồng Vatican II đã cho phép những người theo đạo Chúa được thờ cúng Ông Bà, làm chay làm giỗ để được người VN chấp nhận mới có thể truyền đạo được.

2/ Truyền thống YÊU NƯỚC THƯƠNG DÂN

Nước ta vì có một vị thế địa lý chính trị quan trọng ở Châu Á, ở ngã tư đường từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, nên lúc nào cũng bị các cường quốc thế giới nhòm ngó. Hơn nữa nước ta lại nằm gần cạnh một đất nước khổng lồ, mỗi lần được hưng thịnh là nổi cơn hiếu chiến, thêm muôn thôn tính các nước lân cận.

Lịch sử VN là một lịch sử triền miên chiến tranh, hết chống ngoại xâm, rồi đến nội chiến.

Một ngàn năm Bắc thuộc là một ngàn năm tranh đấu giành độc lập :

- Hai bà Trưng (40-43) khởi nghĩa chống nhà Hán.
- Bà Triệu khởi nghĩa chống nhà Đông Ngô (248).
- Lý Nam Đế khởi nghĩa chống nhà Lương (541).
- Mai Đắc Đế (722), Bồ Cái Đại Vương (791) chống nhà Đường.
- Ngô Quyền (939-944) khởi nghĩa chống nhà Tấn.
- Nhà Trần (1225-1400) : ba lần chiến thắng quân Nguyên, là một đạo quân hùng mạnh đã từng làm cỏ tận trời Âu.
- Lê Lợi khởi nghĩa chống nhà Minh (1418-1428) chấm dứt hơn 20 năm đô hộ của nhà Minh. Mở đầu cho một độc lập lâu dài.
- Nguyễn Huệ đã đánh tan quân Thanh trong vòng 5-6 ngày.

Trong một trăm năm Pháp thuộc đã có hàng chục cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ:

- Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực (1861).
 - Đề Thám khởi nghĩa ở Yên Thế (1884)/
 - Phan Đình Phùng và Cao Thắng với khởi nghĩa Hương Khê (1892).
 - Phan Chu Trinh và Duy Tân Hội (1904).
 - Lương văn Can, Đào nguyên Phổ với Đông Kinh Nghĩa Thục (1907).
 - Phan Bội Châu và VN Quang Phục Hội (1912).
 - Phạm Hồng Thái và Tân Việt Thanh niên đoàn (Thanh Tâm Xã) (1923)
 - Nguyễn Ái Quốc với Hội VN Cách mạng Thanh niên, sau đổi tên là Tân Việt Cách mạng đảng (1925).
 - Nguyễn Thái Học với VN Quốc Dân đảng (1927) khởi nghĩa ở Yên Bái (1930).
 - Phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930).
 - Mặt trận Việt Minh (VN Độc Lập Đồng Minh 1941).
- Đây là chưa kể những cuộc khởi nghĩa tự phát khác. Tất cả những cuộc khởi

nghĩa đều xuất phát từ lòng yêu nước thương dân, ý thức đặc tính khác biệt của dân tộc đối với quân xâm lăng, để bảo tồn sự toàn vẹn của lãnh thổ và bảo vệ nòi giống khỏi sự áp bức, bóc lột của ngoại nhân.

Chúng ta hãy nghe lời khẳng khái bất hủ của Bà Triệu mà lịch sử còn ghi lại :
« Tôi muốn cười con gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tròng kình ở Biển Đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi nơi đăm đuối chứ không thèm bắt chước người đời cúi đầu, cong lưng làm tù thiếp cho người ta... » (Viết Sử Tân Biên - Phạm văn Sơn).

3- Truyền thông ANH HÙNG BẤT KHUẤT

Vì ý thức sự khác biệt về văn hoá và cá tính dân tộc, nên người VN không chấp nhận một dân tộc nào khác cai trị đất nước mình, đề đầu, cười cô dân mình cho dù dân tộc ấy mạnh mẽ gấp bội.

Không có triều đại hùng mạnh nào của nước Tàu mà không xâm lăng VN và không có cuộc xâm lăng nào mà không bị VN đánh bại.

Các triều đại hoàng đế lớn Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đều bị chiến thắng bởi VN.

Chúng ta hãy nghe Lý Thường Kiệt phán :

" Sông núi nước Nam, vua Nam ở,
Rành rành định phận tại sách trời.
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm,
Chúng bây sẽ bị đánh tơi bời »

Trong bài « Bình Ngô Đại Cáo » Nguyễn Trãi đã viết :

« Xét như nước Đại Việt ta,
Thật là một nước văn hiến
Cõi bờ sông núi đã riêng,
Phong tục Bắc Nam cũng khác »

Hãy nghe bài hịch đánh quân Thanh của Hoàng đế Quang Trung Nguyễn Huệ :

« Đánh cho để dài tóc
Đánh cho để răng đen
Đánh cho nó chích luân bất phản
Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn
Đánh cho nó sở tri Nam Quốc anh hùng duy hữu chủ »

4-Tinh thần hy sinh vì ĐẠI NGHĨA CHÍNH NGHĨA

Người VN thường « trọng nghĩa khinh tài ». Vì thấm nhuần đạo đức Khổng Học nên dân ta xem « nhân, nghĩa » làm trọng, lấy « nhân nghĩa » làm thước đo giá trị con người. Lấy chính nghĩa và đại nghĩa làm tiêu chuẩn để đánh giá hành động.

« Đem Đại Nghĩa thắng hung tàn
Lấy Chí Nhân thay cường bạo »

Trần Bình Trọng, một danh tướng đời Trần, trong những trận đánh đầu tiên rất

khôc liệt của quân Nguyên vào nước ta, ông bị bắt và bị quân Nguyên dụ dỗ phong vương tước vì thấy ông có tài. Ông kiên quyết không khuất phục, đã khảng khái trả lời :

« Ta thà làm quý nước Nam
Chứ không thèm là vương đất Bắc »
Tướng Nguyên bắt buộc phải giết ông, năm ấy ông được 26 tuổi.

Nghĩa là điều nên làm và phải làm vì nó có tiêu chuẩn là lợi ích chung và có lý trí soi đường. Đại nghĩa là dám hy sinh cá nhân, cuộc đời cho đất nước dân tộc.

Đây là một lý tưởng nhân sinh cao cả lấy tình thương và bổn phận đặt lên trên mọi tình cảm cá nhân tầm thường hay mọi tính toán lợi lạc ích kỷ. Đó là bổn phận phải làm của người dân đối với đất nước, của con cháu đối với cha ông, của thế hệ đương thời đối với thế hệ mai sau, của con người đối với con người.

5/ Truyền thống HIẾU HỌC và HIẾU DANH

Không biết truyền thống hiếu học của dân tộc VN có từ lúc nào. Lịch sử có ghi lại những sử tích hiếu học : Mạc Đĩnh Chi (1280-1346) làm quan đời Trần Anh Tông đến chức Thượng thư sau thăng chức Đại Liêu Ban tương đương với Tể tướng. Lúc nhỏ nhà rất nghèo nhưng rất ham học ; ban ngày đến các lớp học các thầy đồ, đứng bên ngoài học trộm, đêm đến không có đèn thắp sáng, phải bắt đom đóm cho vào vỏ trứng để có ánh sáng mà học. Lớn lên đỗ đầu kỳ thi Trạng Nguyên 1304. Ông có tướng mạo xấu xí, nhưng rất thông minh uyên bác, có tài ứng đối nhanh lẹ. Được vua cử đi sứ nhà Nguyên, hai lần ông đã dùng trí tuệ và tài năng ứng đối với vua Nguyên, được vua Tào cảm phục phong tước hiệu « Lương quốc Trạng Nguyên ».

Học vấn là con đường tiến thân dân chủ ở nước ta từ thời quân chủ xa xưa. Nhà dù có nghèo, nhưng hễ thi đậu ra làm quan thì sẽ được vãng lọng, chiêm trống đón rước về làng, vinh quy bái tổ một cách trang trọng làm vinh dự cho bản thân, hạnh diện cho ông bà cha mẹ và cho cả dòng họ. Đôi khi vua cho cả « vãng chàng đi trước, vãng nàng theo sau »

Có lẽ đó là một lý do tạo nên truyền thống hiếu học của người VN.

Nhưng ở đây ta đặt câu hỏi hiếu học hay háo danh ?

Tra cứu văn học sử và lịch sử của nước ta, trong số 55 Trạng nguyên, Tiến sĩ từ vị đầu tiên ở thời Lý (Lê Văn Thịnh) cho đến vị cuối cùng thời nhà hậu Lê (Trịnh Tuệ), ta thấy không có mấy vị để lại cho hậu thế những sự nghiệp văn học, nghệ thuật hay kỹ thuật có thể làm hạnh diện cho nền học thuật nước nhà. Đa số chỉ cốt ăn học để thi đỗ làm quan, để vinh thân phì gia.

Chỉ có một số ít, có thể đếm trên đầu ngón tay là học vì sự hiểu biết chứ không phải vì bằng cấp hay chức vị. Tuy vậy những vị này đã để lại những công trình vĩ đại cho hậu thế như :

o Tuệ Tĩnh (1330- ?) (hay Nguyễn Bá Tĩnh) đậu Thái học sĩ dưới triều vua Trần Dụ Tông, nhưng không ra làm quan, ở trong chùa chuyên cần học thuốc, làm thuốc chữa bệnh, cứu người. Ông để lại hai bộ sách giá trị là :

** Nam dược thần hiệu*

€€€€€€€€ **Hồng nghĩa giác tư y thư*, trong đó có bản thống kê 500 vị thuốc Nam,

viết bằng chữ Nôm, đây là một tác phẩm quan trọng trong lịch sử văn học chữ Nôm. Có thể xem đây là bộ Dược điển đầu tiên của nước ta. Trong y giới và nhân dân VN đều tôn ông là « Ông thánh thuốc Nam »

•~~EEEEEEEE~~ **Nguyễn Trãi** *đỗ Thái học sĩ năm 1400*, là nhà tư tưởng và cách mạng lỗi lạc.

•~~EEEEEEEE~~ **Lương thế Vinh** *đỗ trạng nguyên năm 1463* dưới triều Lê thánh Tông là một tài năng trứ danh về toán học qua tác phẩm Đại Thành Toán Pháp.

•~~EEEEEEEE~~ **Nguyễn Bỉnh Khiêm** *đỗ Trạng nguyên năm 1535*, tinh thông lý học, là nhà tiên tri đại tài.

•~~EEEEEEEE~~ **Lê Quý Đôn** *đỗ Tiến sĩ năm 1721*, nhà bác học uyên thâm, có kiến thức đa dạng.

•~~EEEEEEEE~~ **Hải Thượng Lãn Ông Lê hữu Trác** (1720-1791) thuộc gia đình có truyền thống khoa bản, cha ông từng đỗ Đệ tam giáp Tiến sĩ. Ban đầu ông dự định nối nghiệp cha, lấy khoa cử làm đường tiến thân. Ông nghiên cứu binh thư và võ nghệ rồi xin tòng quân để thử nghiệm sức học của mình. Chẳng bao lâu, ông nhận thấy xã hội thối nát, chiến tranh chỉ tàn phá và mang lại đau thương cho đồng bào, ông xin từ quan và ra khỏi quân đội để về quê nuôi mẹ già và theo đuổi nghiên cứu y học. Ông đã bỏ ra hơn 10 năm để viết bộ « *Y tôn tâm lĩnh* » gồm 28 tập, 66 quyển bao gồm đủ các mặt về y học, y đức, y lý, y thuật dược, dinh dưỡng

Hải Thượng Lãn Ông không những là một danh y có công to lớn cho nền y học dân tộc mà còn là nhà văn học và tư tưởng lớn của đất nước.

Cái học ở nước ta đã hỏng từ lâu từ thời quân chủ chỉ cốt ra làm quan để vinh thân phì gia, tới thời Bắc thuộc bị áp đặt bởi một nền văn hoá nô dịch. Đến thời Pháp thuộc cái học chỉ để đào tạo lớp trung gian cho kẻ cai trị và người bị trị.

Điều này chứng tỏ người VN hiếu danh, hơn hiếu học : lúc nhỏ học vì cha mẹ (cha mẹ muốn con phải học như thế), lớn lên học vì bằng cấp, vì địa vị xã hội chớ không phải học vì ích lợi của sự hiểu biết để truyền thừa và phát huy kiến thức cho nhân loại. Hãy xem GS Cao Xuân Hạo phát biểu: « ngày xưa ông cha ta vốn không phải vì hiếu học mà học. Họ vì ý chí làm quan mà học. Họ không có cách nào khác để thoát khỏi cái thân phận tủi cực của kẻ nghèo hèn...Như vậy tính hiếu học không phải là một đức tính cố hữu của người Việt, nhưng kể từ một thời đại nào đó, do chính những yêu cầu có thể là rất ích kỷ của giai cấp thống trị, nó đã trở thành một truyền thống... »

Tinh thần hiếu danh này vẫn còn di hại đến nền giáo dục hiện tại ở trong nước. Người ta chạy theo bằng cấp Tiến sĩ và phó Tiến sĩ đến nỗi tạo thành những căn bệnh trầm trọng : mua bán bằng cấp. Ở nước ngoài tinh thần hiếu danh, hiếu học dừng lại ở chỗ đạt được bằng cấp cao, người VN thoả mãn với sự thành công của mình, làm hạnh diện cho cha mẹ, cho gia đình ; nhưng sau đó người ta không còn nghe nói tới ông hay bà Tiến sĩ đó nữa.

VN có nhiều Tiến sĩ ở nước ngoài, có nhiều người không sống nổi với bằng tiến sĩ này, phải đi kiếm sống bằng những việc bên lề. Đó cũng chỉ vì tinh thần hiếu danh hơn hiếu học.

6/TRIẾT LÝ NHÂN SINH của người Việt Nam

Mỗi nhà nghiên cứu có cái nhìn khác biệt về triết lý nhân sinh của người VN.

Cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, nhà hiền triết có tài tiên tri lỗi lạc đã chỉ dạy một câu ngắn gọn : « **khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống** ». Vậy thì biết cái chi ? *Biết thiên thời, địa lợi, nhân hòa. “biết người, biết ta trăm trận trăm thắng”*, biết thích ứng với hoàn cảnh để sống còn , “ *Ở bầu tròn, ở ống thì dài”* “*Nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc*” Hay nói một cách khác theo ngôn ngữ hiện đại là « **biết những qui luật chi phối thiên nhiên, xã hội và con người** » và phải sống như thế nào để tôn trọng thiên nhiên, để phù hợp với trật tự, an sinh xã hội, để quân bình giữa vật thể và tinh thần của con người. Có như thế con người mới tồn tại và sống còn.

Cụ Đào Duy Anh viết trong sách Việt Nam Văn Hóa Sử Cương : « **Cái nhân sinh quan LƯU ÂM là một đặc tính rất cảm động của văn hóa ta** » (lưu là lưu truyền, âm là ân trạch phúc đức). Người VN phải sống như thế nào để không tủi hổ với ông bà, để con cháu không trách móc « cha ăn mặn, con khát nước ». Để con mình phải hơn mình « Con hơn cha là nhà có phúc ». Mọi cách cư xử với đời là để lưu truyền cái danh thơm, tiếng tốt, phúc đức lại cho con cháu.

Nhà văn hóa học Trần Ngọc Thêm nghĩ rằng **người VN nhận thức về vũ trụ và nhân sinh qua triết lý âm dương**, Âm Dương là 2 nguyên lý đối kháng nhưng bổ túc nhau và muôn đời vẫn thế.

Triết lý Âm Dương được phát biểu dưới 2 qui luật chính yếu :

1/ Qui luật 1: *không có gì hoàn toàn âm hoặc hoàn toàn dương, trong âm có dương và trong dương có âm.*

2/ Qui luật 2 : *Âm và Dương luôn luôn gắn bó mật thiết, vận động và chuyển hoá cho nhau : Âm cực sinh Dương, Dương cực sinh Âm.*

Ông đã dùng phương pháp ngôn ngữ học để chứng minh nguồn gốc của triết lý Âm Dương xuất phát từ các dân tộc phương Nam, rồi sau đó Trung Hoa đã tiếp thu, hệ thống hóa và hoàn thiện để phát huy ảnh hưởng trở lại ra cả vùng Đông Á.

Triết lý Âm Dương chi phối toàn bộ đời sống con người : từ cái ăn cái ở, cho tới cách ngừa bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh đều theo nguyên lý Âm Dương.

Nhờ nắm vững qui luật « trong âm có dương và trong dương có âm nên người VN yêu chuộng sự hài hoà :

a/ Ông tìm thấy trong kho tàng tục ngữ, ca dao VN những nhận thức dân gian *phù hợp với âm dương như :*

- Trong rủi có cái may, trong dở có cái hay, trong hoạ có phúc.
- Người có lúc vinh lúc nhục, nước có lúc đục, lúc trong v.v....

b/ Trong ngôn ngữ VN, mọi sự mọi vật đều được thể hiện theo cặp đôi :

- Tổ quốc là « đất-nước », « non-sông »
- Tháng Tám giỗ cha, tháng Ba giỗ mẹ. (cha ở đây là Đức Trần Hưng Đạo, mẹ ở đây là bà Liễu Hạnh)

c/ Thủy tổ của người Hán là một ông Bàn Cổ, còn Thủy tổ của người Việt là cặp

Rồng Tiên : Lạc Long Quân và Âu Cơ.

Thần mai mối ở Trung Hoa chỉ là một ông Tơ Hồng thì vào VN trở thành ông Tơ và bà Nguyệt.

Nhờ nắm vững qui luật âm dương chuyển hoá người việt có triết lý sống quân bình

a/ Trong kho tàng văn hóa dân gian VN, ông thu thập được 92 câu tục ngữ *phản ánh qui luật âm dương chuyển hoá* :

- Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời.
- Hết cơn bĩ cực đến hồi thái lai.
- Sướng lắm khổ nhiều.
- Càng cao danh vọng, càng dày gian nan.

b/ *Việc ứng xử với đời sống cũng vừa phải* :

- Ở sao cho vừa lòng người, ở rộng người cười, ở hẹp người chê.
- Người khôn ăn nói nửa chừng, để cho người dại nửa mừng, nửa lo.

Ngay cả ước vọng cũng không tham lam : cầu, sung, vừa, đủ, xài (ngũ quả trên bàn thờ : măng cầu, trái sung, trái dừa, đu đủ, xoài).

c/ Biểu tượng âm dương truyền thống khá bền vững của người VN là *cặp hình vuông tròn*.

Ý niệm vuông tròn với ý nghĩa hài hoà, quân bình, hoàn hảo được thể hiện qua hôn nhân « cuộc vuông tròn », qua « bánh chưng, bánh dày », qua ước vọng « mẹ tròn, con vuông ».

7/NGÔN NGỮ VIỆT NAM thật tuyệt vời

1- Tiếng Việt có 12 nguyên âm đơn :

- a ã â
- e ê
- i y
- o ơ ô
- u ư

và có rất nhiều những nguyên âm kép :

- ao au (sau) âu (sâu)
- ai ay (hay) ây (mây)
- ưa ua (mua)
- uô (luôn) ươ (gươm) v.v....

Đồng thời tiếng Việt có 6 thanh âm thành ra có thể có 6 từ ngữ có 6 ý nghĩa khác nhau : Ma, Má, Mà, Mả, Mã, Mạ.

Trong khi tiếng Tàu chỉ có 4 thanh âm: Ma (mẹ), Má (cây gai) Mã (ngựa)Mạ (chười).

Do đó người Việt Nam có thể học bất cứ một ngôn ngữ nào một cách dễ dàng. Cụ Trương Vĩnh Ký thông thạo 15 sinh ngữ và cổ ngữ Âu châu và 11 sinh ngữ Á châu. Trên thế giới có những đài truyền hình quốc tế đã tuyển chọn những xướng

ngôn viên người VN rất nổi tiếng.

Tôi chắc chắn một ca sỹ Việt Nam rành nhạc lý, có giọng ca tốt nếu được rèn luyện sẽ trở thành một ca sỹ nổi tiếng hoàn vũ. Chúng ta đã có 1 tấm gương nhỏ nhỏ tại Belgique cô Phạm Quỳnh Anh đã thắng giải ca nhạc Pour La Gloire.

2- Tiếng Việt có đơn âm (đơn tiết, monosyllabique)

Mỗi chữ có một âm hiệu mang một ý nghĩa riêng biệt, có một phân sự ngữ pháp nhất định (Lê văn Lý)

Do đó ta có thể kết hợp chữ này với một chữ khác tạo thành một chữ thứ ba. Thí dụ :
lụi cụi, lò đờ, lẩn quẩn...

Hay ta có thể thay thế chữ này bằng chữ khác, hoán chuyển vị trí, nên việc sáng tác văn, thi, nhạc rất phong phú. Ta có thể thay thế cách trình bày những bản nhạc Việt Nam theo thể điệu Jazz để làm phong phú hoá nền âm nhạc nước nhà. Gần đây có nhạc sỹ Nguyễn Lê con của giáo sư sử học Lê Thành Khôi đã bắt đầu khai thác lối nhạc này và đã nổi tiếng hoàn cầu. Có ca sỹ Bích Chiêu (chị của ca sỹ Khánh Hà) cũng hát nhạc VN theo thể Jazz, rất hấp dẫn, nhưng vẫn còn lẻ tẻ lắm.

Chúng ta hãy xem nhà ngữ học VN Lê văn Lý (trong Le parler vietnamien tr.280-282) nêu ra một câu 5 chữ, có khả năng hoán chuyển tạo thành 39 câu khác nhau

- 1- Sao nó bảo không đến ?
- 2- Sao bảo nó không đến ?
- 3- Sao không bảo nó đến ?
- 4- Sao không đến bảo nó ?
- 5- Sao nó không bảo đến ?
- 6- Sao? Đến bảo nó không?
- 7- Sao? Bảo nó đến không?
- 8- Nó đến, sao không bảo ?
- 9- Nó đến, Không bảo sao?
- 10- Nó đến bảo: không sao ?
- 11- Nó bảo sao không đến ?
- 12- Nó đến bảo: sao không?
- 13- Nó bảo: Đến không sao.
- 14- Nó bảo: Không đến sao?
- 15- Nó không bảo, sao đến ?
- 16- Nó không bảo đến sao?
- 17- Nó không đến bảo sao?
- 18- Bảo nó sao không đến?
- 19- Bảo nó: đến không sao.
- 20- Bảo sao nó không đến?
- 21- Bảo nó đến, sao không?
- 22- Bảo nó không đến sao?
- 23- Bảo không, sao nó đến?
- 24- Bảo sao? Nó không đến?
- 25- Không bảo, sao nó đến ?
- 26- Không đến bảo nó sao?

- 27-Không sao, bảo nó đến?
- 28-Không bảo nó đến sao?
- 29-Không đến, bảo nó sao?
- 30-Không đến, nó bảo sao?
- 31-Đến bảo nó không sao.
- 32-Đến không? Bảo nó sao?
- 33-Đến không? Nó bảo sao?
- 34-Đến, sao không bảo nó ?
- 35-Đến bảo nó: Sao không ?
- 36-Đến, sao nó không bảo?
- 37-Đến, nó bảo không sao!
- 38-Đến, nó không bảo sao?
- 39-Đến, sao bảo nó không?

3- Tiếng Việt có những **loại tự, đại danh từ** phong phú vô cùng

* Có thể lấy một danh từ để biến đổi thành một loại tự hoặc một đại danh từ.

TD : kẻ sống, người chết
 thằng đàn ông, con đàn bà
 con dao, cái bàn
 sự sống, sự chết....

* Tiếng Việt có đầy đủ danh từ để *chỉ định 9 thế hệ liên tiếp trong một đại gia đình* :
Sơ, Cố, Ông, Cha, Tôi, Con, Cháu, Chắt, Chít.

Tôi không phải là nhà ngôn ngữ học chỉ nêu lên một vài đặc trưng để chứng tỏ tính cách tuyệt vời của ngôn ngữ Việt với dụng ý là chúng ta phải bảo tồn nó « *Tiếng Việt còn, nước Việt còn* » (Phạm Quỳnh)

Sự phong phú của tiếng Việt có hệ quả tốt và xấu của nó :

- **Hệ quả tốt:** sự thông minh và linh hoạt của người VN, khiến người VN dễ ứng hóa thích nghi

- Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.
- Đi với Bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy.
- Nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc.

- **Hệ quả xấu:** Tâm hồn người VN rất rắc rối. Đến nỗi 1 tác giả Ý phải than:
 « một sự tinh tế cổ tình chế sơi tóc làm tư (Falazzoli, le VietNam entre deux mythes).

Người VN dễ vọng động, không đủ định tâm để hướng dẫn tư tưởng của mình đến chỗ tận cùng của nó.

Do đó viện nghiên cứu xã hội học Mỹ đã đưa ra nhận xét : « Người VN thông minh, sáng tạo, song chỉ có tính cách đối phó với những khó khăn ngắn hạn, thiếu khả năng suy tư dài hạn và chủ động. »

6/ Tinh thần TƯ ÁI NGÃ MẠN:

Người Việt rất tự ái. Nếu được khen thì càng cống cao ngã mạn. Nếu bị chê thì thù ghét kẻ chỉ trích mình, mà không tìm hiểu lời phê bình đó đúng hay sai.

Người Việt thường không chấp nhận ý kiến khác mình cho dù ý kiến đó hay hơn ý kiến của mình do đó tìm cách nói xấu, hạ bệ, chụp mũ, triệt hạ. Người Việt không đối thoại với nhau được vì không tôn trọng tinh thần dân chủ, tinh thần quân tử. Chính người Việt đã đẻ ra tư tưởng : « quân tử nói ngay là quân tử đại » để giết chết hình ảnh người quân tử.

Chính cái tính tự ái, ngã mạn này đã gây ra *tinh thần chia rẽ, vô kỷ luật* « được làm vua, thua làm giặc », « phép vua thua lệ làng ».

Lịch sử VN đã chứng minh điều này :

a/ Nội chiến Thập Nhị Sứ quân kéo dài 22 năm (945-967). Phải đợi vua Đinh Tiên Hoàng đánh dẹp để thống nhất xứ sở.

b/ Trong những thời tự chủ và không có ngoại xâm thì chia rẽ nội bộ và nội chiến liên miên.

Sau khi Lê Lợi đã diệt quân nhà Minh, đánh đuổi quân Tàu ra khỏi bờ cõi nước Đại Việt ngày 3-1-1428 thì dân tộc ta hưởng độc lập trong 430 năm (1428-1858). Trong hơn 4 thế kỷ ấy, 4 triều đại quân chủ nhà hậu Lê, nhà Mạc, nhà Tây Sơn và nhà Nguyễn không ngừng đánh nhau để tranh giành giang sơn bờ cõi, có những giai đoạn hai hay ba họ cùng một lúc tranh nhau làm vua, mỗi họ trấn giữ một vùng . Riêng nhà Lê từ 1545 đến 1786 đã bị các chúa Trịnh nắm hết mọi quyền hành, chỉ làm bù nhìn. Ngay cả nhà Tây Sơn cũng tranh giành bờ cõi. Nguyễn Nhạc tự xưng làm Trung ương hoàng đế, đóng đô ở Bồ Bàn là kinh đô cũ của Chiêm Thành (Qui Nhơn bây giờ), cho người em thứ nhì là Nguyễn Lữ mảnh đất Nam Việt với tước Đông Định Vương và cho người em thứ ba là Nguyễn Huệ mảnh đất từ đèo Hải Vân đến đèo Hoành Sơn với tước vị Bắc Bình Vương và nhường Đàng Ngoài cho vua Lê Chiêu Thống (1786-1793).

Như vậy nước Việt bị chia làm 4 mảnh, có 4 vị vua trị vì.

Đại lược trong khoảng thời gian này, lịch sử diễn tiến như sau :

a- Nhà Lê và nhà Mạc đánh nhau.

b- Các chúa Trịnh lộng hành giết các vua Lê :

- Trịnh Tùng giết vua Lê Anh Tông (1573)

- Trịnh Tùng lại giết vua Lê Kính Tông (1599).

- Trịnh Giang giết vua Lê Đế Duy Phường (1732).

c- Các chúa Trịnh và chúa Nguyễn đánh nhau :

Trong khoảng thời gian 50 năm, hai bên đánh nhau hơn 7 lần (1627-1673), dân tình khổ sở biết bao, núi sông binh lửa dậy trời chỉ để tranh giành làm vua làm chúa.

d- Tây Sơn diệt Nguyễn rồi diệt Trịnh

e- Nguyễn Huệ đánh tan quân Thanh và chiếm lấy Đàng Ngoài của vua Lê

f- Nguyễn Ánh diệt Tây Sơn

g- Đến thời cận đại chiến tranh Quốc Cộng kéo dài hơn 30 năm : máu lửa ngập tràn đã nướng cháy 4 triệu thanh niên và thường dân VN.

Sau thế chiến thứ 2, phong trào giải thực , đã giúp các nước bị đô hộ dần dần tự

giải phóng mà không tốn nhiều xương máu. Chỉ có Việt Nam ta chọn con đường chiến tranh máu lửa. Người VN có hiếu chiến và háo thắng chăng? Hay người VN phá hoại thì giỏi nhưng xây dựng thì dở?

Hai nước Đức đã thống nhất một cách hoà bình êm đẹp, vậy mà người VN vẫn tự hào là đỉnh cao trí tuệ nhân loại

Không lẽ cái truyền thuyết lập Quốc 50 con theo cha xuống biển và 50 con theo mẹ lên núi đeo đuôi muôn đời con dân nước Việt?

7/ Người VN nặng về ĐỨC TIN, nhưng nhẹ về LÝ TRÍ

Nặng về đức TIN, người VN dễ rơi vào 2 thái cực : *một là dễ tin, hai là đa nghi*. Người Việt Nam có nhiều đức tin vào: Trời, Phật, Thánh, Thần, Ma Quỷ, Vong linh, Phúc Đức, Luân Hồi, Nghiệp quả... và rất nhiều điều mê tín dị đoan. Mê tín là tin vào những điều không có thật, vào cái không ích lợi cho đời sống xã hội hay cho sự tiến hóa tâm linh của con người.

Vì dễ tin nên người VN đã chấp nhận dễ dàng những thần thánh do người Tàu áp đặt trong thời văn hoá nô lệ.

- Thờ Quan Công : (còn gọi là Quan Vũ, Quan Vân Trường, Quan Thánh Đê Quân...) Ông là một nhân vật lịch sử thời Tam Quốc ở bên Tàu (211-264), anh em kết nghĩa của Lưu Bị, vua nước Thục Đế đánh lại nước Ngô và nước Ngụy. Ông chỉ là một vị tướng giúp vua Tàu để tranh bá đồ vương. Đâu phải là một vị anh hùng cứu nước như Trần Hưng Đạo hay Quang Trung. Thà chúng ta thờ Trần Hưng Đạo hay Nguyễn Trãi, Quang Trung còn xứng đáng hơn.

- Thờ Ông Địa và Thần Tài :

Tục thờ cúng ông Địa và Thần Tài là phong tục tín ngưỡng của người Trung Hoa mê tín dị đoan, chỉ cầu mong ở sức mạnh thần quyền để giúp họ buôn may bán đắt. Người Tây phương đâu có thờ Thần Tài đâu mà sao họ vẫn trở thành triệu phú, tỷ phú. Những người mua trang, lập bàn thờ Thần Tài hay ông Địa chỉ làm giàu cho bọn buôn thần bán thánh mà thôi.

Alexandre de Rhodes (1591-1660) nhận xét : « đặt điểm chung phổ biến của người Việt là thói mê tín dị đoan ». Ngày nay người ta vẫn còn tin « đốt tiền vàng mã » để cung cấp tiền bạc, nhà cửa, xe cộ, gia nhân, nàng hầu cho những người bên kia thế giới. Đốt đồ thiệt không biết họ có hưởng được không, chứ đừng nói là đốt đồ giấy. Thật là ngu xuẩn !

Một số chùa chiền VN vẫn còn dung dưỡng thói tục xin xăm, cúng sao giải hạn, giải oan...

Đối nghịch với mê tín là đa nghi. Vì thiếu suy nghĩ chân chính, lý luận vững chắc, tìm hiểu rạch ròi, một số người VN trở thành đa nghi và rơi vào « lý thuyết chủ mưu » (théorie du complot), lúc nào họ cũng tìm được lý do để nói ngược lại một cách bướng bỉnh, mù quáng. Chẳng hạn họ tin rằng : chiến tranh VN được giải quyết bởi « một nhóm siêu quyền lực Do Thái ». Viên nghiên cứu xã hội học Hoa kỳ đã đưa ra một nhận xét về người VN : « thông minh, sáng tạo khi phải đối phó với những khó khăn ngặt nghèo, nhưng thiếu khả năng suy tư dài hạn và linh hoạt ». Do cái học từ chương, trích cú, học thuộc lòng không cần suy nghĩ, lý luận trong nhiều thế kỷ qua, học không phương pháp từ đầu đến cuối, không thử nghiệm thực dụng, nên kiên thức không có hệ thống và căn bản.

Người VN không sử dụng tất cả những phương pháp suy luận của tư tưởng : phân tích, tổng hợp, diễn dịch, qui nạp, so sánh và thường phạm phải những lỗi lầm của tư duy như :

a/ *Vơ đũa cả nắm* : trong ngôn ngữ thường diễn tả bằng những chữ như : « tất cả đều », « luôn luôn », « không bao giờ ».

b/ *Lý luận lưỡng phân* : chỉ nhìn thấy hoặc đen, hoặc trắng mà không chấp nhận xám xám. Thí dụ lý luận : nếu anh không phải là bạn tôi thì anh là kẻ thù của tôi.

c/ *Võ đoán* :

Không dựa trên những bằng chứng cụ thể, chính xác, lại đưa ra những kết luận vội vã, hàm hồ.

d/ *Phóng đại hoá hoặc giảm thiểu hoá* : chuyện nhỏ phóng ra to, chuyện to biến thành nhỏ.

e/ *Lấy tình cảm, cảm xúc làm tiêu chuẩn xét đoán* : khi yêu trái ầu cũng tròn, khi ghét trái bò hồn cũng ngọt.

f/ *Loại bỏ thiên vị hoặc chọn lựa thiên vị* : quan tâm trên một chi tiết nhỏ nhất mà bỏ quên toàn diện.

g/ *Cá nhân hoá* : tất cả đều qui về một cá nhân hoặc qui về mình.

Thí dụ : « lỗi tại anh, tại nó », sự thất bại của một công cuộc, một chính sách là kết quả của nhiều yếu tố, nhưng cứ đổ tội cho một cá nhân. Trên đây là tất cả những sai lầm của tư duy cần phải được loại trừ.

s

8/ Người Việt THIẾU ĐAM MÊ nên DỄ BỎ CUỘC

Có lẽ vì chịu ảnh hưởng của Phật giáo, nên người VN không đam mê gì cả, ngay cả với tình yêu : « Tu là cội phúc, tình là dây oan ».

Trong khi người Tây phương : « chỉ có những đam mê và những đam mê lớn mới có thể nâng cao tâm hồn lên đại sự » (Il n'y a que les passions et les grandes passions qui puissent élever l'âme aux grandes choses – Diderot)

Con cái thích âm nhạc thì bị cha mẹ giáng cho một câu « xướng ca vô loại »

Bỏ cuộc giữa chừng vì đam mê nửa vời , do đó người VN không có những nhà tư tưởng lớn, những nhà phát minh lớn, những nghệ nhân lớn.

Người VN rất khéo tay, nhưng vì thiếu đam mê nên ít quan tâm đến sự toàn hảo của các sản phẩm của mình.

9/ Người Việt Nam và người Trung Hoa hay DẤU NGHỀ cho nên người VN không quan tâm đến sự truyền thừa kiến thức hay tay nghề.

Nước Tàu đã chậm tiến trong mấy thế kỷ vì sự dấu nghề. Nghề hay chỉ được truyền cho con trai. Nhà nào không có con trai thì kể như nghề đó bị mai một. Ngược lại ở Nhật Bản, nghề hay có thể truyền cho con gái với điều kiện là chàng rể phải đổi sang họ nhà vợ. Chính vì vậy ở Nhật những ngành nghề truyền thống được gìn giữ và những nghệ nhân nổi tiếng được quý trọng như những bảo tàng sống.

Người trí thức VN có được một vốn học thức thì bo bo giữ lấy cho mình để bảo vệ vị trí ăn trên ngồi trước. Trong số những vị thầy đại học ở VN , có bao nhiêu vị để lại những sách vở và công trình có giá trị có thể truyền thừa cho con cháu.

Người Tây Phương rất quan trọng về giáo dục và truyền thừa. Ngân sách quốc gia dành cho giáo dục rất cao. Họ viết rất nhiều sách để truyền thừa kiến thức và kinh

nghiệm thực hành. Người làm bếp viết, người làm vườn cũng viết, thợ chụp ảnh cũng viết...mọi người đều viết.

10/ Tinh thần BA PHẢI của giới trí thức VN và trí thức Tàu

Tánh ba phải bắt nguồn từ lý thuyết « Tam giáo đồng nguyên » ở bên Tàu. Cách đây khoảng 1100 năm, các nhà Tống nho đã làm một tổng hợp tư tưởng ba tôn giáo Nho, Phật, Lão và đi đến kết luận là 3 đạo này cùng giống nhau.

Về mặt lý thuyết thì muốn lý luận sao cũng được (vì là ba phải mà !!!) nhưng về thực hành thì mới tai hại. Khi được thời, các nhà nho vỗ ngực nói mình theo ông Khổng, nhưng khi thất cơ lỡ vận, về quê cưỡi trâu thì nói tôi theo ông Phật, ông Lão. Cái này mới thật là tai hại cho xã hội. Người sĩ phu không có lập trường, không đi đến tận cùng tư tưởng của mình, không có trách nhiệm và tinh thần nhất quán giữa tư tưởng, lời nói và hành động.

Thật ra Phật giáo tự nó đã là một tôn giáo hoàn chỉnh, không cần phải được chứng minh là đồng nguyên, đồng thể với tôn giáo nào khác. Trong Phật giáo ta vẫn có thể **nhập thế** giúp dân, giúp nước thực hành hạnh Bồ Tát và một thời nào đó **xuất thế** tự tu, tự độ. (như vua quan thời nhà Trần). Hai lối tu này bổ túc cho nhau mà vẫn không mâu thuẫn. Trong PG vẫn có ý niệm về một trật tự xã hội, về một nền chính trị quốc gia. Nhưng khác với đạo Khổng, trong Phật Giáo không có dạy : « Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung ». Đức Phật không có dạy dân phải đối với vua chúa như thế nào, nhưng Phật dạy rất nhiều (10 điều) mà vua chúa hay nhà cầm quyền phải gìn giữ :

Mười nhiệm vụ của nhà vua (thập vương pháp) được ghi lại trong tiền thân :

- a- Vua phải rộng rãi, bố thí và bác ái.
- b- Vua phải giữ 5 giới của người cư sĩ.
- c- Vua phải hy sinh tất cả vì hạnh phúc của dân.
- d- Vua phải chính trực : ông phải xa lìa sự sợ hãi và thiên vị, thành thật trong ý định và không được lừa bịp quần chúng.
- e- Vua phải sống một đời giản dị và không được xa hoa.
- f- Vua phải có một số tính tình hoà nhã.
- g- Không thù hận, ác độc.
- h- Vua phải cố tạo hoà bình và ngăn ngừa chiến tranh.
- i- Nhẫn nhục : ông phải có thể chịu đựng những khó khăn, khổ nhọc và những sự nhục mạ mà không mất bình tĩnh.
- j- Vua không được đi ngược với ý chí của toàn dân (trích con đường thoát khổ W. Rahula- Thích nữ Trí Hải)

Những nhiệm vụ trên không phải là không thể thực hiện được, hầu hết những nguyên thủ ở các quốc gia dân chủ hiện tại trên thế giới đều thực hiện những nhiệm vụ và đức tính trên, chỉ có ở những nước độc tài thì khác hẳn. Ngày xưa các vua quan thời Lý Trần ở nước ta, đều là những bậc gương mẫu như thế. Nhờ thế nước ta đã được thái bình thịnh trị trong nhiều thế kỷ.

KẾT LUẬN

Chúng ta đã đi qua những vấn đề văn hóa tổng quát và những bản sắc văn hóa Việt Nam. Đến đây có 2 câu hỏi được đặt ra:

1- Nước ta bị đô hộ bởi nước Tàu cả ngàn năm, tại sao dân tộc Việt Nam không bị đồng hóa trong khi tất cả những chủng Bách Việt khác đều bị đồng hóa?

2- Người VN thông minh, khéo léo, tại sao nước ta vẫn lạc hậu, dân ta vẫn làm than đói khổ?

Đây là 2 câu hỏi mà mỗi người VN phải tự vấn, tìm hiểu, tìm ra giải pháp cho chính mình, gia đình mình, đoàn thể và cộng đồng mình để cho mỗi người VN trở nên lành mạnh hơn, trí tuệ hơn, ngỗ hầu một ngày nào đó, khi điều kiện cho phép ta trở về xây dựng lại quê hương.s